Ngày soạn: 13 / 12 /2024

Ngày dạy: 20 / 12 /2024

**BÀI 29: THỰC VẬT**

Thời gian thực hiện: 5 tiết (T32,34-37)

**I. Mục tiêu**

1. **Kiến thức:**

- Kể tên và nêu được đặc điểm phân chia các nhóm Thực vật.

- Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn và không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và có hoa (Hạt kín).

- Nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.

- Xác định được thực vật có ở môi trường xung quanh và xếp được chúng vào các nhóm tương ứng.

- Đề xuất được cách thức chăm sóc thực vật dựa trên hiểu biết về đặc điểm của chúng để giúp cây trồng phát triển tốt.

- Sau khi học xong bài học này, học sinh sẽ khám phá được vai trò của thực vật trong tự nhiên và trong đời sống con người, bao gồm:

-Vai trò của thực vật đối với đời sống con người

-Vai trò của thực vật trong tự nhiên: Điều hoà khí hậu, góp phần hạn chế xói mòn, bảo vệ nguồn nước, hạn chế ô nhiễm không khí và có vai trò quan trọng đối với động vật

- Các biện pháp trồng và bảo vệ cây xanh

 **2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực khoa học tự nhiên**

* Nhận thức khoa học tự nhiên: nhận biết, trình bày và phân biệt được đặc điểm cơ bản của các nhóm Thực vật; nhận xét nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.
* Tìm hiểu tự nhiên: thực hiện quan sát một số đại diện điển hình của các nhóm Thực vật; ghi chép lại kết quả quan sát, trình bày và phân tích được kết quả quan sát; quan sát, tìm hiểu, nhận dạng và xếp nhóm các đại diện Thực vật ở địa phương, xung quanh HS.
* Vận dụng kiến thức: tăng cường quan sát, nhận dạng thực vật trong tự nhiên và xếp được chúng vào các nhóm Thực vật tương ứng; chủ động và có các biện pháp trồng và chăm sóc hợp lí Thực vật dựa trên hiểu biết về đặc điểm sinh học của chúng.

- Lấy được các ví dụ cho từng vai trò của thực vật

- Trình bày được vai trò của thực vật đối với môi trường và đối với động vật, con người**.**

- Nêu được tình hình đa dạng thực vật ở Việt Nam và các biện pháp bảo vệ thực vật

- Xác định được tầm quan trọng của thực vật

**2.2. Năng lực chung**

* Năng lực tự chủ và tự học: đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh, chủ động theo dõi sự hướng dẫn của GV, chủ động trao đổi ý kiến với bạn để xác định rõ yêu cầu, các nhiệm vụ, cách thức thực hiện các hoạt động học tập, chủ động thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và của nhóm.
* Năng lực giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ học tập; trao đổi kết quả quan sát, rút ra nhận xét và hoàn thiện phiếu học tập, thảo luận nhóm để tìm vai trò của thực vật đối với môi trường tự nhiên
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tăng cường quan sát thế giới Thực vật trong tự nhiên và xếp được chúng vào các nhóm tương ứng; dựa trên đặc điểm của các nhóm Thực vật chủ động và có các biện pháp trồng và chăm sóc hợp lí Thực vật. GQVĐ trong việc tìm hiểu vai trò của thực vật

**3. Phẩm chất:**

* Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Trung thực, cẩn thận khi quan sát mẫu vật.
* Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, tự giác thực hiện các nhiệm vụ học tập của cá nhân và phối hợp tích cực với các thành viên trong nhóm.

- Yêu quý Thực vật, tích cực, chủ động bảo vệ môi trường sống của Thực vật, trồng và chăm sóc hợp lí cây xanh.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Hình ảnh:

+ Sơ đồ các nhóm Thực vật.

+ Rêu tường, dương xỉ, một số loài Dương xỉ thường gặp, cây thông và rừng thông, cơ quan sinh sản của thông và một số đại diện Hạt trần (vạn tuế, trắc bách diệp,…) đại diện cây có hoa (cây bưởi, hoa hồng, bèo tấm,…).

- Mẫu vật: rêu tường, cây dương xỉ, đoạn cành lá thông, nón thông, cây có hoa (rau cải, hoa hồng, … tùy điều kiện ở địa phương để sưu tầm mẫu vật).

- Kính lúp, khay đựng mẫu vật.

- Phiếu học tập, giấy A5 (nhiều), bút dạ.

**III. Tiến trình dạy học**

1. **ĐA DẠNG THỰC VẬT** (3 t)
2. **Hoạt động 1: Xác định nội dung, nhiệm vụ bài học: Tìm hiểu về sự đa dạng của Thực vật thông qua các nhóm Thực vật.**
3. **Mục tiêu:**

-Tạo hứng thú, xác định được các nhiệm vụ, nội dung cơ bản sẽ tìm hiểu trong bài học.

1. **Nội dung:**

- HS dựa vào hiểu biết hiện có, tham gia trò chơi, kể tên các loài Thực vật, đưa ra cách phân chia thực vật thành các nhóm và nêu rõ cơ sở phân chia (theo quan điểm của HS).

1. **Sản phẩm:** Đáp án của HS, có thể:

- HS kể tên được các đại diện thực vật (cây phượng, cây rêu, …) tùy theo ý kiến của cá nhân.

- Phân loại thực vật thành các nhóm có đặc điểm giống nhau và nêu cơ sở phân chia (tùy theo ý kiến của HS):

+ Theo môi trường sống: thực vật ở nước, thực vật trên cạn.

+ Theo kích thước cơ thể: lớn, trung bình, nhỏ, …

+ Theo công dụng: cây ăn quả, cây dược liệu, …

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi “THỬ TÀI HIỂU BIẾT?”

+ Hãy viết tên các đại diện thực vật vào giấy mà em biết, mỗi đại diện ghi trên 1 tờ giấy A5 (2 phút).

+ Phân loại thực vật thành các nhóm và nêu cơ sở phân chia.

+ Dán các giấy ghi tên đại diện thực vật vừa kể được vào các nhóm tương ứng.

+ Kiểm tra, chỉnh sửa kết quả.

- HS liên hệ thực tế, dựa vào vốn hiểu biết tham gia trò chơi, nêu rõ quan điểm phân chia các nhóm thực vật.

- Báo cáo, thảo luận: xác định đúng các ví dụ thuộc thực vật và xếp được các đại diện thực vật kể tên vào các nhóm theo cách phân chia của HS.

- GV ghi lại ý kiến của HS → xuất hiện mâu thuẫn: có quá nhiều cách phân chia các nhóm thực vật, có những đại diện không chỉ thuộc 1 nhóm mà còn thuộc nhiều nhóm dựa trên cách phân chia của HS → dẫn dắt để HS quan tâm tới cách phân chia dựa theo đặc điểm: có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn; có hạt hoặc không có hạt; có hoa hoặc không có hoa → tìm hiểu đa dạng thực vật thông qua các nhóm thực vật.

1. **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Xác định tên gọi của các nhóm thực vật và đặc điểm phân chia**

1. **Mục tiêu:**

- Kể tên và nêu được đặc điểm phân chia các nhóm Thực vật.

1. **Nội dung:**

- HS quan sát hình 29.1. Các nhóm Thực vật, nêu tên các nhóm thực vật và đặc điểm phân chia.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS, dự kiến:

+ Các nhóm TV: Rêu, Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín.

+ Đặc điểm phân chia: có hay không có mạch dẫn, có hạt hay không có hạt, có hoa hay không có hoa.

1. **Tổ chức thực hiện:**

-GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện cá nhân:

+ Quan sát hình 29.1. Các nhóm Thực vật, trả lờ câu hỏi: Nêu tên các nhóm thực vật và đặc điểm phân chia.

-HS thực hiện nhiệm vụ.

-Báo cáo, thảo luận: Đại diện HS nêu ý kiến, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Kết luận: + GV nhấn mạnh các nhóm TV và đặc điểm phân chia.

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu đặc điểm của các nhóm Thực vật**

**a) Mục tiêu:**

- Phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch dẫn (Rêu); Thực vật có mạch dẫn và không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và không có hoa (Hạt trần); Thực vật có mạch dẫn, có hạt và có hoa (Hạt kín).

- Nêu được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật.

**b) Nội dung:**

- HS quan sát hình ảnh: rêu- cây rêu, cây dương xỉ, thông- rừng thông, nón thông, một số đại diện Hạt trần (vạn tuế, trắc bách diệp, …), đại diện cây có hoa (cây bưởi, hoa hồng, bèo tấm, …), thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng sau trong Phiếu học tập:

**Bảng: Đặc điểm các nhóm Thực vật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các nhóm TV** | **Môi trường sống** | **Đặc điểm cơ quan sinh dưỡng** | **Đặc điểm cơ quan sinh sản** |
| **Rêu** |  |  |  |
| **Dương xỉ** |  |  |  |
| **Hạt trần** |  |  |  |
| **Hạt kín** |  |  |  |

**c) Sản phẩm:**

- Ý kiến của nhóm thể hiện trong PHT và câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ học tập: thực hiện theo nhóm 4HS, quan sát hình ảnh đại diện một số nhóm Thực vật, hoàn thiện Phiếu học tập (bảng: Đặc điểm của các nhóm Thực vật)- 10 phút.

- HS quan sát hình ảnh, khai thác thông tin SGK, thảo luận nhóm, thống nhất ý kiến, hoàn thiện bảng trong PHT.

- Báo cáo, thảo luận: Đại diện nhóm nêu ý kiến, nhóm khác nhận xét, bổ sung.

→ GV y.c HS: Nêu rõ đặc điểm phân biệt các nhóm Thực vật từ đó thấy được sự tiến hóa giữa các nhóm Thực vật từ Rêu --- Dương xỉ --- Hạt trần --- Hạt kín.

→ GV y.c quan sát kĩ hình ảnh cơ quan sinh sản của cây Hạt trần, cây Hạt kín: Vì sao gọi là cây Hạt trần, cây Hạt kín? Cây Hạt kín tiến hóa hơn hay cây Hạt trần tiến hóa hơn? Vì sao?

- HS dựa vào kết quả hoạt động nhóm, quan sát kĩ hình CQSS của cây Hạt trần, cây Hạt kín trả lời câu hỏi.

→ Kết luận:

+ GV chuẩn đáp án PHT:

**c**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các nhóm TV** | **Môi trường sống** | **Đặc điểm cơ quan sinh dưỡng** | **Đặc điểm cơ quan sinh sản** |
| **Rêu** | Những nơi ẩm ướt (chân tường, gốc cây, …) | - Chưa có rễ chính thức.- Thân nhỏ, chưa có mạch dẫn.- Lá nhỏ. | - Không có hoa, quả, hạt.- Cơ quan sinh sản là túi bào tử (nằm trên ngọn) chứa các hạt bào tử. |
| **Dương xỉ** | Sống nơi đất ẩm, chân tường, dưới tán rừng. | - Rễ, thân, lá chính thức, có mạch dẫn vận chuyển các chất- Lá còn non thường cuộn lại ở đầu. | - Không có hoa, quả, hạt.- Cơ quan sinh sản là túi bào tử (nằm mặt dưới là giá) chứa các hạt bào tử. |
| **Hạt trần** | Sống trên cạn. | - Rễ cọc.- Thân gỗ.- Lá hình kim.- Có mạch dẫn. | - Chưa có hoa, quả.- Hạt nằm lộ trên noãn.- Cơ quan sinh sản là nón. |
| **Hạt kín** | Sống ở môi trường nước, môi trường cạn. | - Rễ, thân, lá biến đổi đa dạng.- Hệ mạch dẫn hoàn thiện. | - Có hoa, quả, hạt.- Hạt được bảo vệ trong quả. |

+ GV nhấn mạnh: Mỗi nhóm TV có đặc điểm riêng. Các nhóm thực vật được sắp xếp theo chiều hướng tiến hóa, hoàn thiện về tổ chức cơ thể: Từ Rêu--- Dương xỉ--- Hạt trần--- Hạt kín. Thực vật Hạt kín là tiến hóa nhất nên rất phổ biến trên Trái đất, thích nghi được với các môi trường sống khác nhau.

1. **Hoạt động 3: Luyện tập**
2. **Mục tiêu:** Phát triển được năng lực tự học, hệ thống, tổng kết, vận dụng kiến thức bài học, tự đánh giá, hoàn thiện bài tập.
3. **Nội dung:** HS tổng hợp, vận dụng kiến thức bài học:

**+** Tiến hành sắp xếp các đại diện Thực vật kể được từ hoạt động trò chơi khởi động vào các nhóm Thực vật đã học và giải thích.

**+** Hoàn thiện bảng 29.1:Nêu sự giống nhau và khác nhau giữa thực vật Hạt trần với thực vật Hạt kín.

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, dự kiến:

**+** HS sắp xếp lại chính xác các Thực vật đã kể tên được vào các nhóm Thực vật vừa được học và giải thích.

**+** Đáp án bảng 29.1:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Thực vật Hạt trần** | **Thực vật Hạt kín** |
| **Cơ quan sinh dưỡng** | **Rễ** | Có | Có |
| **Thân** | Có | Có |
| **Lá** | Có | Có |
| **Cơ quan sinh sản** | **Nón** | Có | Không |
| **Hoa** | Không | Có |
| **Quả** | Không | Có |
| **Hạt** | Có | Có |

1. **Tổ chức thực hiện:**

- GV y.c HS dựa vào kiến thức đã học:

+ Tiến hành sắp xếp các đại diện Thực vật kể được từ hoạt động trò chơi khởi động vào các nhóm Thực vật đã học và giải thích.

**+** Hoàn thiện bảng 29.1:Nêu sự giống nhau và khác nhau giữa thực vật Hạt trần với thực vật Hạt kín.

- HS vận dụng kiến thức bài học, thực hiện sắp xếp lại chính xác các thực vật vào các nhóm, nêu ý kiến giải thích và hoàn thiện bảng 29.1.

- Báo cáo: Đại diện HS nêu ý kiến, HS khác nhận xét, bổ sung.

- GV+ HS: nhận xét, đánh giá kết quả, chuẩn đáp án.

1. **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực tự học, vận dụng kiến thức bài học, tăng cường quan sát thực vật trong tự nhiên và thực hành phân nhóm Thực vật, đề xuất được cách chăm sóc dựa vào hiểu biết về đặc điểm của các nhóm Thực vật.

**b) Nội dung:** HS làm việc cá nhân liên hệ kiến thức bài học, quan sát và giới thiệu được một số Thực vật ở xung quanh em, thực hành phân chia chúng vào các nhóm, đề xuất được những lưu ý trong việc chăm sóc để cây phát triển khỏe mạnh.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS theo cấu trúc:

**+** Đại diện cây gì…? Đặc điểm môi trường sống…? Cây này được xếp vào nhóm Thực vật nào…? Cách chăm sóc cần lưu ý những gì…?

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: liên hệ kiến thức bài học, quan sát và giới thiệu được một số Thực vật ở xung quanh em, thực hành phân chia chúng vào các nhóm, đề xuất được những lưu ý trong việc chăm sóc để cây phát triển khỏe mạnh (Đại diện cây gì…? Đặc điểm môi trường sống…? Cây này được xếp vào nhóm Thực vật nào…? Cách chăm sóc cần lưu ý những gì…?)

- HS vận dụng kiến thức bài học, trả lời câu hỏi; nhận xét, bổ sung ý kiến của bạn.

- GV+ HS: nhận xét, phân tích, đánh giá câu trả lời của HS, rút kinh nghiệm.

**Hoạt động 2.1. Vai trò của thực vật trong tự nhiên**

1. **Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của thực vật đối với việc điều hoà khí hậu, làm giảm ô nhiễm môi trường, chống xói mòn và bảo vệ nguồn nước ngầm và vai trò của thực vật đối với động vật

- Kể tên được 1 số thực vật có hại đối với con người

- Nêu được 1 số ví dụ về những động vật có nơi ở là thực vật, lấy ví dụ tên con vật và tên cây mà con vật đó sử dụng làm thức ăn.

 **b) Nội dung:**

1. Thực vật điều hoà khí hậu

**-** Quan sát hình 🡪 xác định các hoạt động thải khí carbon dioxide, hoạt động lấy khí carbon dioxide.

- Xác định các yếu tố khí hậu ở 2 nơi có thực vật và không có thực vật khác nhau như thế nào?

- Hậu quả khi mất rừng khi trời mưa lũ hay nắng hạn…?

- Rút ra nhận xét về vai trò của thực vật đối với khí hậu.

2. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm không khí.

- Quan sát hình 🡪 Nhận xét không khí ở 2 nơi: có thực vật và không có thực vật

- Giải thích tại sao phải trồng nhiều cây xanh

- Quan sát một số cây có tác dụng cản bụi, lọc không khí, diệt khuẩn

3. Thực vật góp phần chống xói mòn và bảo vệ nguồn nước

- GV mô phỏng thí nghiệm. Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm trong thời gian 2p hoàn thiện PHT 1

- Từ PHT yêu cầu HS rút ra nhận xét về vai trò của thực vật trong việc chống xói mòn, bảo vệ nguồn nước

4. Vai trò của thực vật đối với động vật

- Quan sát hình xác định vai trò của thực vật đối với động vật

- Nêu 1 số động vật mà nơi ở của chúng là thực vật.

- Lấy ví dụ tên con vật và tên cây mà con vật đó sử dụng làm thức ăn

- Chia sẻ thông tin về các cây khi tiếp xúc, sử dụng có thể gây hại cho con người

**c) Sản phẩm:**

Cân bằng khí oxi và cacbonic

Điều hoà khí hậu

Giảm ô nhiễm môi trường

Góp phần hạn chế ngập lụt, hạn hán

Giữ đất, chống xói mòn

Cung cấp oxi, thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản cho động vật

**THỰC VẬT**

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ

1. Thực vật điều hoà khí hậu

- Gv chiếu sơ đồ hình, yêu cầu HS quan sát hình sau đó cho biết:

+ Hoạt động nào thải ra khí carbon dioxide

+ Hoạt động nào lấy khí carbon dioxide

- Chiếu bảng, yêu cầu HS quan sát hình sau đó cho biết:

+ Khí hậu nơi có nhiều thực vật và nơi có ít thực vật khác nhau như thế nào?

- GV yêu cầu hs rút ra nhận xét về vai trò của thực vật đối với khí hậu

2. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm không khí

- HS quan sát hình và cho biết:

+ Không khí ở 2 nơi có thực vật và không có thực vật như thế nào? Tại sao lại có sự khác nhau đó?

+ Giải thích tại sao phải trồng nhiều cây xanh

3. Thực vật góp phần chống xói mòn và bảo vệ nguồn nước

+ Yêu cầu Hs quan sát hình và theo dõi thí nghiệm 🡪 Thảo luận nhóm hoàn thành PHT

Thí nghiệm:

. Chậu A: có cây (nơi có rừng)

Tạo cơn mưa giả bằng cách đổ cùng 1 lượng vào 2 chậu A, B.

. Chậu B: Không có cây (đồi trọc)

🡪 Nhận xét mắc sắc nước và lượng nước chảy ra từ 2 chậu cây

+ Chiếu đáp án 🡪 yêu cầu các nhóm trao đổi phiếu chéo, dựa vào đáp án chấm điểm cho nhóm bạn.

+ Yêu cầu HS dựa vào đáp án PHT trả lời câu hỏi:

? Thí nghiệm đã chứng minh điều gì?

4. Vai trò của thực vật đối với động vật

- Chiếu hình 20.5, 20.6🡪 yêu cầu Hs quan sát và cho biết:

+ Thực vật có vai trò gì đối với động vật

- Lấy ví dụ về những động vật mà nơi ở của chúng là thực vật theo bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên động vật** | **Nơi ở của động vật** |
| **Lá cây** | **Thân, cành cây** | **Gốc cây** |
| 1 | Sâu cuốn lá | x |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

- Lấy ví dụ tên con vật và tên cây mà con vật đó sử dụng làm thức ăn theo bảng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên động vật** | **Tên cây** | **Bộ phận của cây mà con vật sử dụng** |
| **Lá** | **Rễ, củ** | **Quả** | **Hạt** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**-** Thực nhiệm vụ (học sinh thực hiện nhiệm vụ, giáo viên theo dõi, hỗ trợ):

1. Thực vật điều hoà khí hậu

- Quan sát hình và dựa vào kiến thức thực tế và trả lời câu hỏi

- Quan sát bảng nhận xét về khí hậu ở 2 nơi có thực vật à không có thực vật

- Nhận xét về vai trò của thực vật với khí hậu

2. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm không khí

- Quan sát hình 🡪 nhận xét khí hậu ở 2 nơi

- Giải thích vì sao phải trồng nhiều cây xanh

3. Thực vật góp phần chống xói mòn và bảo vệ nguồn nước

+ Học sinh quan sát hình và theo dõi thí nghiệm🡪thảo luận nhóm hoàn thành PHT

+ Trao đổi phiếu nhóm 🡪 chấm chéo

+ Dựa vào đáp án PHT trả lời các câu hỏi. (có thể trả lời như sau:)

 Thí nghiệm chứng minh thực vật giúp giữ đất, chống xói mòn nhờ tán lá cản bớt sức chảy của dòng nước, hệ rễ giữ đất

4. Vai trò của thực vật đối với động vật

- Quan sát các hình 🡪 rút ra vai trò của thực vật đối với động vật

- Lấy được ví dụ động vật mà nơi ở của chúng là thực vật, lấy ví dụ tên con vật và tên cây mà con vật đó sử dụng làm thức ăn

- Báo cáo, thảo luận:

+ Báo cáo kết quả PHT

+ Vận dụng trả lời các câu hỏi.

- Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần, thái độ học tập, tham gia thảo luận. Cho điểm khuyến khích các nhóm .Chốt vai trò của thực vật.

**Hoạt động 2.2. Vai trò của thực vật đối với đời sống con người**

1. **Mục tiêu:**

- Trình bày được vai trò của thực vật đối với đời sống con người.

- Lấy được các ví dụ cho từng vai trò của thực vật.

- Kể tên được các thực vật quý hiếm ở Việt Nam.

1. **Nội dung:**

Yêu cầu học sinh :

+ Xem video bài hát: Vườn cây của ba

+ Dựa vào video và kiến thức thực tế 🡪 hoàn thành PHT 2

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên cây** | **Cây lương thực** | **Cây thực phẩm** | **Cây ăn quả** | **Cây lấy gỗ** | **Cây làm thuốc** | **Cây làm cảnh** | **Cây cho bóng mát** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **10** |  |  |  |  |  |  |  |  |

+ Nhận xét về vai trò của thực vật đối với đời sống con người

+ Thuyết trình về thực vật quý hiếm ở Việt Nam

**c) Sản phẩm:**

**+** Đáp án PHT 2:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên cây** | **Cây lương thực** | **Cây thực phẩm** | **Cây ăn quả** | **Cây lấy gỗ** | **Cây làm thuốc** | **Cây làm cảnh** | **Cây cho bóng mát** |
| **1** | Lúa | x |  |  |  |  |  |  |
| **2** | Rau |  | x |  |  |  |  |  |
| **3** | Hoa |  |  |  |  |  | x |  |
| **4** | Bưởi |  |  | x |  |  |  |  |
| **5** | Sầu riêng |  |  | x |  |  |  |  |
| **6** | Mít |  |  | x | x |  |  |  |
| **7** | Thuốc bỏng |  |  |  |  | x |  |  |
| **8** | Lá lốt |  | x |  |  |  |  |  |
| **9** | Xà cừ |  |  |  | x |  |  | x |
| **10** | Khoai lang |  | x |  |  |  |  |  |

**+** Nhận xét vai trò của thực vật đối với con người:

Thực vật có vai trò quan trong đối với đời sống con người: thực vật được sử dụng làm thức ăn, đồ dùng, làm cảnh, trang trí, lấy bóng mát…

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ :

+ Chiếu video bài hát: Vườn cây của ba, yêu cầu HS theo dõi, kết hợp kiến thức thực tế hoàn thành PHT1.

+ Yêu cầu từ đáp án PHT 1🡪 Rút ra nhận xét về vai trò của thực vật đối với đời sống con người.

+Yêu cầu HS thuyết trình về các loài thực vật quý hiếm ở Việt Nam (đã chuẩn bị trước ở nhà)

+ GV chiếu hình ảnh 9 loại cây lương thực chính của thế giới

**-** Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh theo dõi video và dựa vào kiến thức thực tế🡪 hoàn thành PHT 1

+ Rút ra nhận xét về về trò của thực vật đối với đời sống con người.

+ Thuyết trình về các loài thực vật quý hiếm ở Việt Nam

- Báo cáo, thảo luận

+ Báo cáo kết quả PHT 1

+ Rút ra nhận xét

+ 1 vài đại diện trình bày về các loài thực vật quý hiếm ở Việt Nam

+ Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung

- Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần chuẩn bị bài trước, thái độ học tập. Cho điểm khuyến khích .Chốt vai trò của thực vật.

**Hoạt động 2.3. Trồng và bảo vệ cây xanh.**

1. **Mục tiêu:**
* Nêu được thực trạng đa dạng thực vật ở Việt Nam, nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm
* Trình bày được các biện pháp bảo vệ thực vật
1. **Nội dung:**
* Xem video về thực trạng đa dạng sinh học ở Việt Nam
* Quan sát tranh hình kết hợp kiến thức thực tế nêu các biện pháp bảo vệ thực vật
1. **Sản phẩm:**

Mỗi người chúng ta cần có ý thức bảo vệ rừng, trồng và bảo vệ cây xanh

1. **Tổ chức thực hiện:**

- Chuyển giao nhiệm vụ :

+ Chiếu video về thực trạng đa dạng thực vật ở Việt Nam

+ Yêu cầu HS theo dõi video nhận xét về sự đa dạng thưc vật ở Việt Nam, nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm

+Yêu cầu Hs nêu các biện pháp của bản thân và gia đình trong việc bảo vệ thực vật

**-** Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh theo dõi video và dựa vào kiến thức thực tế để trả lời các câu hỏi

- Báo cáo, thảo luận

HS có thể trả lời câu hỏi như sau:

+ Việt Nam có tính đa dạng cao về thực vật, tuy nhiên hiện nay đang có sự suy giảm nghiêm trọng củ yếu do con người gây ra: phá rừng bừa bãi, …

+ Trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống đòi núi trọc, bảo vệ các cây con, là Hs thì có thể tham gia các phong trào đổi chai nhựa lấy cây con, vệ sinh môi trường….

- Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá về tinh thần chuẩn bị bài trước, thái độ học tập. Cho điểm khuyến khích .Chốt các biện pháp bảo vệ thực vật.

1. **Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

Củng cố cho HS kiến thức về vai trò của thực vật

**b) Nội dung:**

Câu hỏi, bài tập GV giao cho học sinh thực hiện:

Câu 1. Chọn

 phương án đúng nhất:

1. Ở những vùng bờ biển người ta thường trồng cây phía ngoài đê nhằm mục đích gì?
2. Chống gió bão
3. Chống xói mòn đất
4. Chống rửa trôi đất
5. Tất cả các phương án trên
6. Bộ phận nào của thực vật đóng vai trò quan trọng trong việc giữ nước?
7. Rễ
8. Thân
9. Lá
10. Hoa

Câu 2. Cho sơ đồ sau:



a. Lựa chọn các sinh vật phù hợp với các số trong sơ đồ trên.

b. Từ sơ đồ trên, cho biết vai trò của thực vật?

**c) Sản phẩm:**

Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do học sinh thực hiện. Kết quả tìm ra đội chiến thắng (Đội trả lời đúng và nhanh nhất 🡪 Điểm cao nhất)

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV chia lớp thành 4 nhóm (4 đội), sử dụng phần mềm gameshow để HS tham gia trả lời theo nhóm, trực tuyến.

GV giới thiệu số lượng câu hỏi, luật chơi và hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thực hiện. GV, HS cùng được tham gia đánh giá kết quả thực hiện. Phần mềm tự động chấm điểm dựa trên câu trả lời đúng của nhóm HS.

1. **Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**

Vận dụng kiến thức về các nhóm TV, vai trò của TV, kĩ năng sử dụng dụng cụ và chăm sóc cây vào thực tiễn đời sống.

Phát huy năng lực tự học, tự chủ của HS/nhóm HS trong tìm kiến, thu thập thông tin trên internet, kinh nghiệm từ người thân, ...lập kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ GV giao.

 **b) Nội dung:**

GV yêu cầu học sinh lựa chọn loài thực vật có ích (cây rau, cây gia vị, cây hoa...trong hộp xốp hoặc thủy canh....), sử dụng dụng cụ để trồng và chăm sóc cây tại nhà (Nộp báo cáo sau 1-2 tuần).

**c) Sản phẩm:**

HS báo cáo sản phẩm (chụp hình, quay video trình bày trên slides....) về cây được trồng và chăm sóc của nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Giao về nhà cho các nhóm (06 học sinh) thực hiện ngoài giờ lên lớp. Nộp báo cáo sau 1-2 tuần. Tổ chức cho các nhóm HS báo cáo, trao đổi, chia sẻ trước lớp. HS nhóm khác và GV tham gia đánh giá theo tiêu chí GV cùng các nhóm HS đã thống nhất trước đó.

Bảng tiêu chí đánh giá:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** |
| 1 | Nêu được các loại dụng cụ dung để trồng, chăm sóc cây | 10 |
| 2 | Nêu được đầy đủ các bước trồng và chăm sóc cây (có kèm theo hình ảnh, video minh hoạ) | 40 |
| 3 | Mô tả rõ thao tác thực hiện ở các bước | 20 |
| 4 | Cây trồng phát triển tươi tốt | 30 |